TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HOA LƯ
TỈNH NINH BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 07/2019/HSST
Ngày 25/02/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOA LƯ- TỈNH NINH BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Lý Thị Huệ

Hội thẩm nhân dân: ông Phạm Văn Hòa và ông Lê Văn Quân

- Thư ký phiên toà: ông Hoàng Ngọc Hưng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện H

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Huê - Kiểm sát viên.

Ngày 25/02/2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm vụ án Hình sự thụ lý số: 05/2019/HSST, ngày 01/02/2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2019/QĐXXST-HS ngày 14/02/2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: Phạm Văn T - Sinh năm 1962 tại xã T, huyện H, tỉnh N; Nơi cư trú: thôn T, xã T, huyện H, tỉnh N; Nghề nghiệp: lao động tự do; Trình độ văn hóa: 7/10; Dân tộc: kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phạm Văn T1 và bà Bùi Thị Đ; Vợ là Vũ Thị L và có 2 con; Tiền án, tiền sự: không có;

Bị cáo bị bắt tạm giữ 06/12/2018 đến ngày 07/12/2018 chuyển tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Ninh Bình (có mặt).

Người làm chứng: anh Lã Chí N(vắng mặt) và anh Phạm Đức M(có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ 30 phút, ngày 06/12/2018, Phạm Văn T đi bộ sang nhà anh Phạm Đức M ở cùng thôn mượn xe mô tô BKS 35H2- 1090 nói là đi có việc. Sau đó T điều khiển xe mô tô đến thôn T, xã T, huyện H để tìm mua ma túy với mục đích để sử dụng cho bản thân. Khi đi đến trục đường thôn T, khu vực gần chân núi L Phạm Văn T gặp một người đàn ông không rõ tên, tuổi, địa chỉ đang ngồi trên xe mô tô dừng ở ven đường. T hỏi "Có ma túy không bán cho 200.000đồng". Người đàn ông trả lời "Có". T rút 200.000đồng trong túi áo đang mặc đưa cho người đàn ông thì người này đưa cho T một

gói nhỏ được gói bằng nilon màu trắng và nói "Ma túy đây". T cầm gói ma túy trên tay trái và điều khiển xe mô tô đi về thì bị tổ công tác Công an huyện H phối hợp với Công an xã Tđang làm nhiệm vụ thấy T có biểu hiện nghi vấn nên đã yêu cầu dừng lại để kiểm tra. T đã vứt bỏ gói ma túy trong tay xuống đường cạnh chân T đứng, thì bị công an phát hiện, biết không thể che giấu hành vi của mình nên T đã nhặt gói ma túy giao nộp cho tổ công tác và khai nhận đó là gói ma túy (loại hê rôin) vừa mua về để sử dụng cho bản thân. Sau đó tổ công tác đã tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, niêm phong thu giữ vật chứng và tiến hành trưng cầu giám định gói ma túy thu giữ của T.

Tại bản kết luận giám định số 34/KLGĐ- PC09-MTngày 07/12/2018 của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh N kết luận: Mẫu chất bột dạng cục màu trắng gửi giám định ký hiệu M1 có khối lượng 0,1812(không phảy một nghìn tám trăm mười hai) gam là ma túy, loại Hêrôin.

Hêrôin là chất ma túy thuộc bảng danh mục I, số thứ tự 09, Nghị định số 73/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ.

Hoàn lại đối tượng giám định gồm: chất bột dạng cục màu trắng còn lại trong mẫu gửi đi giám định ký hiệu M1 có khối lượng 0,1145(không phảy một nghìn một trăm bốn mươi lăm) gam là ma túy loại Hêrôin; Toàn bộ vỏ, bao gói niêm phong.

Tại bản cáo trạng số 09/CT-VKSHL ngày 30/01/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoa Lư đã truy tố Phạm Văn T về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo điểm c khoản1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Tại Phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoa Lư vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố như bản cáo trạng. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố Phạm Văn T phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Áp dụng điểm c khoản1 Điều 249; điểm r, s khoản 1 và khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự. Xử phạt Phạm Văn T từ 12(mười hai) tháng đến 15 (mười lăm) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ 06/12/2018. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm c khoản 1 điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, c khoản 2 điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Tịch thu tiêu hủy vật chứng gồm: 01 phong bì niêm phong bên trong có mẫu vật ký hiệu M1= 0,1145 gam ma túy loại Hêrôin và toàn bộ vỏ bao gói trong gói niêm phong ban đầu (mẫu vật hoàn trả của phòng PC09 Công an tỉnh N); 01 phong bì niêm phong theo quy định của pháp luật bên trong có chứa vật chứng còn lại thu giữ của Phạm Văn T gồm: mảnh nilon màu trắng trong, mảnh giấy màu trắng, vỏ phong bì niêm phong ban đầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quyết định, hành vi tố tụng của Cơ quan điều tra và điều tra viên, Viện kiểm sát và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng theo thẩm quyền,

trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về quyết định của các Cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của những người tiến hành tố tụng. Do đó các quyết định, hành vi của các Cơ quan tiến hành tố tụng và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Tại phiên toà, bị cáo Phạm Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như nội dung của bản cáo trạng đã truy tố. Khoảng 10 giờ 30 phút, ngày 06/12/2018, bị cáo mượn xe mô tô BKS 35H2- 1090 của anh Phạm Đức M và nói là đi có việc. Sau đó bị cáo điều khiển xe mô tô đi đến khu vực gần chân núi L, thôn T, xã T, huyện H thì gặp một người đàn ông không rõ tên tuổi, địa chỉ đang ngồi trên xe mô tô dừng ở ven đường. Bị cáo hỏi và mua người này một gói ma túy với giá 200.000đồng. Bị cáo cầm gói ma túy trên tay và điều khiển xe mô tô đi về thì gặp các anh Công an, bị cáo thả gói ma túy xuống đường cạnh chân bị cáo đứng thì bị Công an phát hiện, sau đó bị cáo đã nhặt lên giao nộp gói ma túy cho Công an và khai nhận đó là gói ma túy loại Hêrôin bị cáo vừa đi mua về. Cân trọng lượng gói ma túy của bị cáo 0,1812 gam loại ma túy là Hê rôin. Lời khai nhận của bị cáo Phạm Văn T phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án như biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản thu giữ và niêm phong vật chứng, kết luận giám định 34/KLGĐ- PC09-MTngày 07/12/2018 của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Ninh Bình và lời khai của người làm chứng. Hành vi của Phạm Văn T cất giấu 0,1812 gam là ma túy, loại Hê rôin với mục đích để sử dụng cho bản thân là phạm vào tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoa Lư truy tố bị cáo T là có căn cứ đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của Phạm Văn T là nguy hiểm xã hội, xâm phạm vào sự độc quyền quản lý của nhà nước đối với các chất gây nghiện, ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an xã hội. Bị cáo biết rất rõ tác hại của ma túy đối với con người và xã hội, tệ nạn ma túy còn là nguyên nhân dẫn đến nhiều loại tội phạm khác. Vì vậy cần phải xử lý nghiêm trước pháp luật, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho gia đình và xã hội. Tuy nhiên khi xem xét mức hình phạt đối với bị cáo. Hội đồng xét xử thấy bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năm hối cải. Đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; Bị cáo có bố đẻ là người có công với cách mạng được nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng chống Mỹ hạng nhì nên bị cáo được xem xét tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[4] Về xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra công an huyện Hoa Lư thu giữ gói ma túy của Phạm Văn T, sau khi gửi đi giám định, đối tượng giám định được hoàn lại gồm:

0,1145 gam chất bột dạng cục màu trắng còn lại trong mẫu gửi đi giám định ký hiệu M1 là ma túy loại Hê rôin (Hê rôin là chất ma túy thuộc bảng danh mục I, số thứ tự 09, Nghị

định số 73/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ) là vật Nhà nước cấm lưu hành và toàn bộ vỏ bao gói niêm phong; 01 phong bì niêm phong theo quy định của pháp luật bên trong có chứa mảnh nilon màu trắng và vỏ phong bì niêm phong ban đầu thu giữ của bị cáo T không có giá trị sử dụng. Áp dụng điểm c khoản 1 điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, c khoản 2 điều 106 bộ luật tố tụng hình sự. Tịch thu tiêu hủy (Chi tiết vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng ngày 30/01/2019 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoa Lư). Ngoài ra cơ quan điều tra công an huyện Hoa Lư thu giữ của bị cáo T chiếc xe mô tô biển kiểm soát 35H2-1090. Quá trình điều tra xác định chủ sở hữu chiếc xe trên là anh Phạm Đức M cho bị cáo T mượn và không biết mục đích của bị cáo đi mua ma túy, Cơ quan điều tra đã trả lại cho anh M.

[5] Về án phí: Bị cáo Phạm Văn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[6] Bị cáo Phạm Văn T có quyền kháng cáo theo quy định tại khoản 1 điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Bị cáo Phạm Văn T phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma tuý".

- Áp dụng điểm c khoản1 Điều 249; điểm s khoản 1 và khoản 2 điều 51Bộ luật hình sự;

- Xử phạt bị cáo Phạm Văn T 15 (mười lăm) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ từ ngày 06/12/2018.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm c khoản 1 điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, c khoản 2 điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Tịch thu tiêu hủy gồm:

- 01 phong bì niêm phong bên trong có mẫu vật ký hiệu M1= 0,1145 gam ma túy loại Hêrôin và toàn bộ vỏ bao gói trong gói niêm phong ban đầu (mẫu vật hoàn trả của phòng PC09 Công an tỉnh N);

- 01 phong bì niêm phong theo quy định của pháp luật bên trong có chứa vật chứng còn lại thu giữ của Phạm Văn T gồm: mảnh nilon màu trắng trong, mảnh giấy màu trắng, vỏ phong bì niêm phong ban đầu.

(Chi tiết vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng ngày 30/01/2019 giữa Cơ quan Điều tra và Chi cục Thi hành án dân sự huyện H).

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Buộc bị Phạm Văn T phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai, sơ thẩm có mặt bị cáo, báo cho bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận.
- *TAND tỉnh N;*
- *VKSND tỉnh N;*
- *VKSND huyện H*
- *Công an huyện H;*
- *Chi cục THADS huyện H;*
- *Bị cáo;*
- *sở Tư pháp tỉnh NB*
- *Lưu hồ sơ; VP*

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà
(Đã ký)

Lý Thị Huệ